TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM PỒ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HS-ST
Ngày: 27-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

C*ác Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Khoàng Văn Sơn

2. Ông Vàng A Hý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà*:** Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điên Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2022/TLST-HS ngày 27/7/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HS ngày 13/9/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vàng A L; sinh ngày 07/01/1979 tại huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản S 2, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vàng A Chỉnh (đã chết) và bà Sùng Thị Sua; Bị cáo có vợ là Mùa Thị Pày và 11 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/6/2022 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Lường Thị Thơm, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã S, huyện Nậm Pồ.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Vàng Văn C, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Giàng A L, sinh năm: 1988, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

xã S; nơi công tác: UBND xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Ông Quàng Văn T, sinh năm 1984, chức vụ: Kiểm lâm viên; nơi công tác: Hạt Kiểm lâm huyện N, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Phàng A Phổng, sinh năm 1979, vắng mặt.

Địa chỉ: Bản S 2, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên.

- *Người được Tòa án triệu tập*: Ông Nguyễn Duy T, chức vụ: Phó Hạt trưởng Hạt kiểm lâm; Nơi công tác: Hạt Kiểm lâm huyện N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhân dân các bản S 1, 2, 3, 4 của xã S, chăn thả trâu tại khu vực chung gọi là "trại trâu", thuộc bản S 4, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên, đã được quy hoạch là rừng phòng hộ. Tuy nhiên, vào cuối năm 2021 và đầu năm 2022, do thấy một số hộ dân của bản S 4 phát nương (không nằm trong khu vực quy hoạch 03 loại rừng) gần khu vực "trại trâu" nên một số hộ dân của bản S 2, đã lên khu vực rừng này để chặt phá rừng làm nương, trong đó có bị cáo Vàng A L.

Vào khoảng đầu tháng 01/2022 (Vàng A L không nhớ rõ ngày), Vàng A L mang theo 01 con dao quắm đi bộ lên khu vực rừng tự nhiên thuộc bản S 4, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên để chặt phá rừng làm nương, mà không xin phép cơ quan có thẩm quyền. L sử dụng dao quắm chặt phá toàn bộ các cây gỗ nhỏ cùng thảm thực vật trong 01 ngày, còn các cây gỗ có đường kính lớn, ngày hôm sau L sử dụng máy cưa xăng, cưa hạ các cây gỗ. Trong lúc L đang cưa hạ các cây gỗ thì có tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã S, cùng với Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã phát hiện, yêu cầu L không được tiếp tục chặt phá và đốt rừng, L đã dừng lại theo yêu cầu của tổ công tác và trở về nhà. Do không nhận được văn bản của cơ quan chức năng về hành vi chặt phá rừng của L, nên khoảng 03 ngày sau L tiếp tục mang theo 01 máy cưa xăng và 01 con dao quắm, lên khu vực rừng đang chặt phá dở trước đó, cưa hạ toàn bộ những cây gỗ có kích thước lớn, nhỏ khác nhau và phát trắng toàn bộ thảm thực vật trong 01 ngày thì dừng lại, chờ cây khô để đốt. Đến ngày 16/01/2022, tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã S và Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã, đi kiểm tra rừng thì phát hiện diện tích rừng Vàng A L chặt phá lớn nên đã báo cáo Hạt kiểm lâm huyện N để xử lý. Ngày 18/01/2022 Ủy ban nhân dân xã S, huyện N đã ra Quyết định số 27/QĐ-UBND về việc đình chỉ hành vi phá rừng trái pháp luật đối với Vàng A L.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 18/02/2022 (có bản ảnh và thống kê kèm theo) đã xác định: Diện tích rừng bị Vàng A L chặt phá là 4.195 m^2 (bốn nghìn một trăm chín mươi lăm mét vuông), mức độ thiệt hại 100%. Các cây gỗ bị chặt phá có đường kính, kích thước chiều dài khác nhau từ nhóm V đến nhóm VIII, chủ yếu là Thành ngạnh, Vối thuốc, Hoắc quang…, có chiều cao vút ngọn trung bình là 5,05 m, đường kính trung bình là 7,37 cm. Tổng khối lượng gỗ tròn bị chặt phá là 2,928 m^3, khối lượng củi tận thu là 5,101 m^3.

Tại kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS, ngày 18/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, xác định tổng giá trị thiệt hại về lâm sản do Vàng A L gây ra là 6.621.150 (sáu triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn một trăm năm mươi) đồng; không xác định được giá quyền sử dụng rừng.

Tại Kết luận Giám định số 03/KL-GĐ, ngày 21/5/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên, đã xác định: Vị trí diện tích 4.195 m^2 có cây gỗ tự nhiên bị chặt phá tại tiểu khu 414B1, khoảnh 4, thuộc bản S 4, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên, được quy hoạch là rừng phòng hộ, trạng thái Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về phê duyệt dự án, Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Diện tích rừng này chưa giao, chưa cho thuê, hiện do Ủy ban nhân dân xã S đang quản lý.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKSNP, ngày 25/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Vàng A L về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự trình bày: Hành vi vi phạm của bị cáo là rõ ràng, gây thiệt hại cho Nhà nước nên yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại.

Quá trình điều tra Giàng A L và ông Quàng Văn T có lời khai: Ông L là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, được giao nhiệm vụ làm Trưởng ban Chỉ huy phòng cháy, chữa cháy, quản lý và bảo vệ rừng của xã S; ông Thông là Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã S từ tháng 8/2021. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Lếnh và ông Thông đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, tuy nhiên do người dân thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên đã có hành vi hủy hoại rừng.

Quá trình điều tra, người làm chứng Phàng A Phổng có lời khai: Phổng nhìn thấy Vàng A L một mình chặt phá rừng tại khu vực trại trâu thuộc bản S 4, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo. Quá trình điều tra, bị cáo đã dao nộp 01 con dao quắm dài 77 cm, trong đó cán dao bằng gỗ dài 41, lưỡi dao bằng kim loại dài 36 cm là công cụ phạm tội của bị cáo.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Vàng A L về tội Hủy hoại rừng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Vàng A L từ 24 tháng đến 27 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo và tuyên bố trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một

tội phạm khác. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm có tổng chiều dài 77 cm, cán dao bằng gỗ dài 41, lưỡi dao bằng kim loại dài 36 cm. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước, xác nhận bị cáo đã bồi thường xong. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo; áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Vàng A L nhất trí với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận gì, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vàng A L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Vào đầu tháng 01/2022, trong khoảng 03 ngày không liên tục, Vàng A L đã sử dụng 01 con dao quắm và 01 máy cưa xăng, hủy hoại toàn bộ diện tích 4.195 m^2 (bốn nghìn bẩy trăm chín mươi lăm mét vuông) rừng tự nhiên. Vị trí rừng bị cáo chặt phá là tiểu khu 414B1, khoảnh 4, quy hoạch là rừng phòng hộ, trạng thái Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về phê duyệt dự án, Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, thuộc bản S 4, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên, do Ủy ban nhân dân xã S đang quản lý. Mục đích bị cáo chặt phá rừng là để lấy đất làm nương, gây thiệt hại về lâm sản là 6.621.150 (sáu triệu một trăm hai mươi mốt nghìn một trăm năm mươi) đồng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, Kết luận định giá, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vàng A L phạm tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng

của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...*

c) Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m^2) đến dưới 7.000 mét vuông (m^2);..."

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến môi trường rừng, là nguyên nhân dẫn đến thiên tai và biến đổi khí hậu, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Vàng A L là người dân tộc thiểu số, sống ở khu vực biên giới, là vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không hiểu biết pháp luật, vì muốn có đất để canh tác nên đã chặt phá rừng. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội một phần là do bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế, một phần là do xuất phát từ tập quán canh tác lạc hậu của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện và công tác quản lý, bảo vệ rừng tại địa phương còn chưa kịp thời. Tuy nhiên, ngoài lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Mặc dù, hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng là 6.621.150 đồng cho Nhà nước. Quá trình điều tra, bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm và trong quá trình giải quyết vụ án (Theo Công văn số 77/CV-CQĐT, ngày 07/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N). Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Vàng A L từ 24 tháng đến 27 tháng cải tạo không giam giữ. Do bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật hình sự. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 15/6/2022

đến ngày 23/9/2022 là 03 (ba) tháng 11 (mười một) ngày bằng 10 (mười) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ (cứ 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Căn cứ khoản 3 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo được trả tự do ngay tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự, thì trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, gia đình bị cáo đông con và là hộ nghèo (Giấy chứng Hộ nghèo, hộ cận nghèo số 58/GCN-HN.HCN, ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã S), hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự thì *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo có nghề nghiệp chính là làm nương, thu nhập thấp, gia đình bị cáo đông con và là hộ nghèo, không có tài sản giá trị nên bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Xét đề nghị của người bào chữa: Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự, xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Xét thấy, đề nghị của người bào chữa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm đã qua sử dụng có tổng chiều dài 77 cm, trong đó cán dao bằng gỗ dài 41 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 36 cm là công cụ phạm tội của bị cáo.

Đối với máy cưa xăng cầm tay, L sử dụng để cưa hạ các cây gỗ lớn, bị cáo khai đã cất giấu tại khu vực đám nương của gia đình bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành truy tìm nhưng không xác định được, Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Đối với các cây gỗ bị chặt phá, Hạt Kiểm lâm huyện N đã giao Ủy ban nhân dân xã S, huyện N quản lý, do địa hình rừng núi khó khăn không vận chuyển được, các cây gỗ đã mục nát, không còn giá trị sử dụng nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước số tiền 6.621.150 đồng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền này, nên đã thi hành xong.

[10] Đối với nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã S có đơn xin xét xử vắng mặt, tại giai đoạn điều tra đều đã có lời khai, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đối với trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Giàng A L, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S và ông Quàng Văn T, Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã, để xảy ra các vụ án hủy hoại rừng trên địa bàn mình quản lý: Xét thấy tội phạm hủy hoại rừng trên địa bàn xã S, huyện N thời gian qua diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng, người vi phạm thường viện cớ vào nương cũ để chặt phá rừng và có xu hướng bắt chước nhau, dẫn đến nhiều người trong một bản cùng vi phạm pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Ủy ban nhân dân xã S và Hạt Kiểm lâm huyện N cần tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm; kịp thời phát hiện và xử lý triệt để, đúng pháp luật hành vi hủy hoại rừng ngay từ khi có dấu hiệu vi phạm.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[13] Về án phí: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa và bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xét thấy gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã S, huyện N là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[14] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243, điểm b, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vàng A L phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vàng A L 26 (hai mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 15/6/2022 đến ngày 23/9/2022 là 03 (ba) tháng 11 (mười một) ngày bằng 10 (mười) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải thi hành 15 (mười lăm) tháng 27 (hai mươi bẩy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã S huyện N, tỉnh Điện Biên, là nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Vàng A L cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã S trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên bố trả tự do cho bị cáo Vàng A L ngay tại phiên tòa, nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác. Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ Quyết định tạm giam số 76/2022/HSST-QĐTG, ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đối với bị cáo Vàng A L.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Vàng A L phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 6.621.150 đồng, được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã tự nguyện bồi thường là 6.621.150 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0002826, ngày 25/7/2022 (bồi thường 5.000.000 đồng) và Biên lai thu tiền số 0002837, ngày 26/8/2022 (bồi thường 1.621.150 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên, bị cáo đã bồi thường xong.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài 77 cm, trong đó lưỡi dao bằng kim loại dài 36 cm, chỗ rộng nhất 05 cm, cán dao bằng gỗ dài 41 cm, đường kính 03 cm.

(Vật chứng được niêm phong như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/7/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vàng A L.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại; người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/9/2022, trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Bộ phận HSNV CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã S;
- Hạt Kiểm lâm huyện N;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Sao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vàng A Hý **Khoàng Văn Sơn** **Phạm Thị Sao**